TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 02/3/2020
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Duy.

Bà Trần Thị Hằng.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Sơn Linh – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 411/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Tòa án Lâm Hà giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị B, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên lạc: Đội x, thôn x, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

(Anh T có mặt, Chị B có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị B xây dựng gia đình với nhau vào tháng 8/2000, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ vào ngày 11/8/2000.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc được một khoảng thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, anh T phải đi làm ăn xa nhà để lo cho cuộc sống của vợ con nên vợ chồng sống ly thân với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cãi nhau. Đến năm 2009 thì chị B bỏ về Bắc sinh sống và anh, chị sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Trong thời gian sống ly thân mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên anh T yêu cầu được ly hôn. Về con chung anh T xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Quang T, sinh ngày 08/4/2001, hiện nay cháu T1 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên anh T không có yêu cầu gì. Về tài sản chung, anh T xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về nợ chung anh T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Ngoài ra anh T không có yêu cầu gì.

2. Tại bản tự khai của chị Đỗ Thị B trình bày: Chị Đỗ Thị B và anh Nguyễn Văn T xây dựng gia đình với nhau vào tháng 8/2000, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng anh, chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2009 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau. Do đó, chị đã về Bắc sinh sống từ năm 2009 và vợ chồng sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân cả hai cũng không cải thiện được tình cảm, do mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài không thể cải thiện được nên chị B đồng ý lý hôn. Về con chung chị B xác định vợ chồng một con chung là Nguyễn Quang T, sinh ngày 08/4/2001, hiện nay cháu T1 đã trưởng thành, phát triển bình thường và vẫn sinh sống ổn định với anh T nên chị B không có yêu cầu gì. Về tài sản chung, chị B xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về nợ chung, chị B xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Ngoài ra chị B không có yêu cầu gì.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị B có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn

yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn T. Về con chung, do cháu Nguyễn Quang T đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không đặt ra để xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, các đương sự xác định tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không đặt ra để xem xét giải quyết. Về nợ chung, các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Đỗ Thị B có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đỗ Thị B theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị B xây dựng gia đình với nhau vào tháng 8/2000, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ vào ngày 11/8/2000. Cuộc sống chung của vợ chồng không được hòa thuận hạnh phúc nên anh T làm đơn xin ly hôn. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T xác định vợ chồng mâu thuẫn là do hoàn cảnh kinh tế khó khăn vợ chồng lại không thông cảm chia sẻ với nhau nên thường xuyên cãi nhau. Do không tìm được biện pháp để cải thiện tình cảm nên anh, chị đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay, trong khoảng thời gian sống ly thân hai bên đã tìm biện pháp cải thiện tình cảm nhưng không được. Vì vậy, anh giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, còn trong bản tự khai của chị Đỗ Thị B ngày 20/12/2019 cũng như trong đơn xin giải quyết vắng mặt chị B cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể cải thiện nên chị B đồng ý ly hôn. Xét thấy, vợ chồng anh T, chị B phát sinh mâu thuẫn là do hoàn cảnh kinh tế khó khăn vợ chồng lại không tin tưởng, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nên thường xảy ra mâu thuẫn và do không tìm được biện pháp để cải thiện nên đã tự sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Hơn nữa, qua kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương nơi anh, chị đã từng chung sống thì được biết do bất đồng quan điểm trong việc tín ngưỡng nên gia đình anh T và chị B cũng có những mâu thuẫn không thể hòa giải được nên chị B đã về quê sinh sống từ năm 2009 đến nay . Vì vậy, nếu cứ tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly

hôn của anh Nguyễn Văn T, xử cho anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị B được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị B xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Quang T, sinh ngày 08/4/2001, hiện nay cháu T1 đã đủ mười tám tuổi và phát triển bình thường nên không đặt ra để xem xét giao cho bố hoặc mẹ có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục mà đây là trách nhiệm chung của anh T và chị B đối với con.

[4] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị B xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị B xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T, xử cho anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị B được ly hôn.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Văn T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0007112 ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, anh T đã nộp đủ án phí.

Báo cho anh Nguyễn Văn T biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/3/2020), riêng chị Đỗ Thị B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Ban Tư pháp xã Thạch Khoán;
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Thúy